



# BẢNG ĐIỂM

## Lớp : Kế toán 1 - K13

Môn thi: **Những NL cơ bản CN Mác-Lê Nin 1**      Lần thi: **1**      Giám thị 1: \_\_\_\_\_  
Học kỳ: **1**      Năm học: **2011 - 2012**      Ngày thi: \_\_\_\_\_      Giám thị 2: \_\_\_\_\_  
Cán bộ giảng dạy: \_\_\_\_\_      Phòng thi: \_\_\_\_\_      Giám thị 3: \_\_\_\_\_  
Tổng số bài: \_\_\_\_\_      Số tờ: \_\_\_\_\_      Giám thị 4: \_\_\_\_\_

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	1110130001	Trần Thị Ngọc An	13/01/1993	5.0			
2	1110130002	Nguyễn Thị Thúy An	22/10/1993	5.0			
3	1110130003	Nguyễn Thị Huyền Anh	27/11/1993	7.0			
4	1110130004	Phạm Thị Ngọc Anh	04/07/1992	6.0			
5	1110130005	Đường Minh Anh	05/02/1993	7.0			
6	1110130006	Lê Thị Hồng Anh	02/02/1993	6.0			
7	1110130007	Nguyễn Thị Kim Anh	01/09/1993	6.0			
8	1110130008	Đinh Thị Kiều Anh	08/04/1993	6.0			
9	1110130009	Bùi Thị Lan Anh	17/05/1993	6.0			
10	1110130010	Đỗ Thị Bài	30/11/1993	7.0			
11	1110130011	Đỗ Văn Bảo	20/08/1991	6.0			
12	1110130012	Phùng Thị Ngọc Bích	10/10/1993	6.0			
13	1110130013	Trần Thị Ngọc Bích	14/09/1993	6.0			
14	1110130014	Nguyễn Trần Thanh Bình	20/04/1991	7.0			
15	1110130015	Tống Ngọc Yến Bình	07/12/1993				
16	1110130017	Trần Ngọc Kim Châu	14/03/1992	5.0			
17	1110130018	Dương Ngọc Châu	21/10/1993	6.0			
18	1110130019	Ninh Viết Cương	21/03/1993	6.0			
19	1110130020	Lê Thị Diễm	10/11/1993	5.0			
20	1110130021	Nguyễn Ngọc Diễm	04/01/1992	6.0			
21	1110130022	Dương Huỳnh Ngọc Diệp	01/10/1993	6.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
22	1110130023	Nguyễn Thị Thùy Diệu	30/01/1993	5.0			
23	1110130024	Lê Thị Thu Diệu	09/09/1993	5.0			
24	1110130025	Đặng Thị Dợi	21/09/1992	5.0			
25	1110130026	Nguyễn Thị Thùy Dương	06/08/1993	4.0			
26	1110130027	Đặng Thị Thùy Dương	22/01/1993	6.0			
27	1110130028	Lê Thị Thùy Dương	28/08/1993	5.0			
28	1110130029	Nguyễn Thị Hoài Dung	1993	5.0			
29	1110130030	Đinh Thị Kim Dung	18/06/1992	5.0			
30	1110130031	Đào Vũ Phương Duy	13/07/1993	5.0			
31	1110130032	Nguyễn Đức Duy	27/04/1993	5.0			
32	1110130033	Mai Thị Hoài Hân	06/04/1993	5.0			
33	1110130034	Trần Thị Ngọc Hân	05/11/1992	5.0			
34	1110130035	Hồ Ngọc Hân	18/04/1993				
35	1110130036	Nguyễn Thị Lệ Hằng	18/10/1993	5.0			
36	1110130037	Lê Thị Thu Hằng	01/07/1993	6.0			
37	1110130038	Trịnh Thị Thu Hằng	21/08/1993	6.0			
38	1110130039	Lê Thị Hồng Hạnh	03/06/1993	5.0			
39	1110130040	Phạm Thị Hà	23/03/1993	6.0			
40	1110130041	Nguyễn Thị Thu Hà	18/02/1993	5.0			
41	1110130042	Nguyễn Thị Thu Hà	12/04/1992	5.0			
42	1110130043	Trần Ngọc Hảo	19/05/1993	6.0			
43	1110130044	Thái Thị Diệu Hiền	25/05/1993	4.0			
44	1110130045	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/05/1993	5.0			
45	1110130046	Hồ Thị Hiền	16/06/1993	5.0			
46	1110130047	Nguyễn Thanh Ngân Hiếu	22/07/1993	5.0			
47	1110130048	Nguyễn Thị Thu Hồng	04/10/1993	2.0			
48	1110130049	Đoàn Thị Bích Hồng	09/06/1993	5.0			
49	1110130050	Hoàng Thị Hồng	20/10/1993	6.0			
50	1110130051	Nguyễn Thị Hoàng Hưng	19/02/1993	5.0			
51	1110130052	Võ Thị Kim Hương	14/07/1993	5.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
52	1110130053	Nguyễn Thị Việt Hương	03/10/1993	6.0			
53	1110130054	Trương Thị Thùy Hương	29/06/1993	6.0			
54	1110130055	Phan Thị Diễm Hương	01/11/1993	6.0			
55	1110130056	Vũ Thị Hương	08/10/1993	6.0			
56	1110130057	Nguyễn Lan Hương	18/03/1993	6.0			
57	1110130058	Trần Thị Kim Hường	30/07/1993	5.0			
58	1110130059	Nguyễn Thị Thu Hường	23/03/1993	6.0			
59	1110130060	Mai Thị Hường	01/02/1992	5.0			
60	1110130061	Phạm Thị Hường	11/03/1993	8.0			
61	1110130062	Trần Ngọc Hường	18/12/1993	7.0			
62	1110130063	Phạm Thị Huệ	25/04/1992	7.0			
63	1110130064	Lê Thị Huệ	15/01/1993	5.0			
64	1110130065	Trương Phi Hùng	18/07/1991	7.0			
65	1110130066	Nguyễn Mạnh Hùng	07/08/1993	6.0			
66	1110130067	Nguyễn Thị Thanh Huyền	17/11/1993	5.0			
67	1110130068	Lê Thị Huyền	22/04/1993	6.0			
68	1110130069	Phạm Thị Thu Huyền	27/12/1993	5.0			
69	1110130070	Huỳnh Kha	03/06/1993	5.0			
70	1110130071	Đặng Phúc Kiên	31/07/1993	5.0			
71	1110130072	Huỳnh Thị Bích Kiều	12/06/1993	7.0			
72	1110130073	Nguyễn Trường Lập	10/10/1993	6.0			
73	1110130074	Dương Thị Thùy Lang	15/07/1993	6.0			
74	1110130075	Nguyễn Kim Liên	12/11/1993	6.0			
75	1110130076	Phạm Thị Kim Liên	10/10/1993	7.0			
76	1110130077	Nguyễn Thị Thu Liễu	19/08/1993				
77	1110130078	Phan Thị Bích Liễu	04/01/1993	5.0			
78	1110130079	Cao Thị Ngọc Linh	19/11/1993	6.0			
79	1110130080	Nguyễn Nhất Linh	31/03/1992				
80	1110130081	Trần Đoàn Mỹ Linh	04/09/1992	4.0			
81	1110130082	Cao Thị Mỹ Linh	24/08/1993	6.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
82	1110130083	Phan Gia Lưu	06/01/1993	5.0			
83	1110130084	Hồ Đông Luận	18/11/1993	5.0			
84	1110130085	Lê Thị Thanh Ly	15/10/1993	6.0			
85	1110130086	Nguyễn Thị Yến Ly	03/01/1993	7.0			
86	1110130087	Đặng Thị Xuân Mai	10/05/1991	5.0			
87	1110130088	Lê Thị Mến	10/03/1993	5.0			
88	1110130089	Trần Thông Minh	07/11/1993	6.0			
89	1110130090	Phùng Thị Ngô My	03/11/1993	6.0			
90	1110130091	Trần Thị Đạm	08/08/1993	5.0			
91	1110130092	Nguyễn Công Đạt	27/09/1993	6.0			
92	1110130093	Vương Tiến Đạt	08/07/1993	6.0			
93	1110130094	Huỳnh Thị Tuyết Nga	20/03/1993	7.0			
94	1110130095	Lê Thị Quỳnh Nga	06/07/1993	6.0			
95	1110130096	Nguyễn Thị Thúy Nga	27/10/1993	5.0			
96	1110130097	Nguyễn Thị Kim Ngân	23/06/1993	8.0			
97	1110130098	Trần Thị Kim Ngân	29/05/1993	7.0			
98	1110130099	Dương Vũ Tố Ngân	29/04/1993				
99	1110130100	Nguyễn Hoàng Phi Uyên	24/10/1992	6.0			
100	1110130101	Nguyễn Thị Nghiệm	20/06/1993	6.0			
101	1110130103	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/04/1993	6.0			
102	1110130104	Nguyễn Thị Anh Ngọc	21/08/1991	5.0			
103	1110130105	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	13/07/1993	6.0			
104	1110130106	Tống Thị Kiều Ngọc	20/10/1993	6.0			
105	1110130107	Trần Thị Bích Ngọc	02/12/1993	6.0			
106	1110130108	Lê Thị Bảo Ngọc	26/08/1993	6.0			
107	1110130109	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	13/11/1992	7.0			
108	1110130110	Cao Thị Ngọc	20/09/1993	2.0			
109	1110130111	Biện Ngọc Kim Nguyên	24/08/1993	5.0			
110	1110130112	Ngô Thị Anh Nguyệt	29/10/1993	5.0			
111	1110130113	Trần Thị Nguyệt	27/02/1993	5.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
112	1110130114	Nguyễn Minh Nhân	02/10/1993	6.0			
113	1110130115	Trần Thị Hồng Nhi	03/01/1993	5.0			
114	1110130116	Mạc Thị Thu Nhi	24/03/1993	6.0			
115	1110130117	Võ Thị Yến Nhi	19/08/1993	6.0			
116	1110130118	Hoàng Nguyễn Thiều Nhi	12/07/1993				
117	1110130119	Võ Nguyễn Uyển Nhi	22/01/1993	6.0			
118	1110130120	Nguyễn Thị Kim Nhi	24/07/1993	6.0			
119	1110130121	Lê Thị Cẩm Nhi	13/08/1993	4.0			
120	1110130122	Hồng Bảo Nhi	07/10/1993	5.0			
121	1110130123	Nguyễn Thị Hồng Điệp	16/03/1993	5.0			
122	1110130124	Trần Thị Linh Phương	13/01/1993	5.0			
123	1110130125	Võ Phạm Ngọc Trâm	29/11/1993	5.0			
124	1110130126	Phạm Thị Thùy Trang	03/5/1993	7.0			
125	1110130197	Nguyễn Thanh Thủy	10/01/1993	5.0			

Ngày . . . . . tháng . . . . . năm . . . . .

**CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)**  
( Ký và ghi rõ họ tên)

**GIÁO VIÊN CHẤM THI**  
( Ký và ghi rõ họ tên)